

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NÔNG THÔN HỌC ĐẠI HỌC Ở TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Sĩ Hải*

Title: *Some factors affecting learning efficiency university students in Ho Chi Minh city*

Từ khóa: *Yếu tố ảnh hưởng, thích nghi lối sống của sinh viên.*

Keywords: *factors affecting, the adaptation of students*

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 28/9/2016

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 23/10/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2016

Tác giả:

* ThS., NCS., Trường Đại học Văn Hiến

Email: hails@vhu.edu.vn

TÓM TẮT

Tự thích nghi và thích nghi; các yếu tố tác động đến sự thích nghi của sinh viên từ các vùng nông thôn lên thành phố học tập là vấn đề quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả học tập và sự thành bại của mỗi sinh viên sau khi ra trường. Bài viết này mới mang tính giả thuyết về các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên. Mẫu nghiên cứu còn hạn chế nhưng bước đầu chúng tôi đưa ra 3 yếu tố chính: Môi trường sống, môi trường học tập và định hướng lựa chọn nghề nghiệp nhằm gợi mở cho những nghiên cứu sâu hơn, khái quát hơn, từ đó có những điều chỉnh giúp cho sinh viên có khả năng thích nghi, sống tốt hơn ở môi trường mới để có được kết quả học tập và công việc tốt trong tương lai.

ABSTRACT

Being self-adaptive and adaptive; factors affecting the adaptation of students from the countryside to the city to study are important issues, affecting the academic performance and the success of each student after graduation. This article is mainly about a new hypothetical factors affecting learning outcomes of students. It has limited sample but initially we have found three major factors: living environment, learning environment and career orientation to suggest for further research, from which we can give adjustments to help students with the ability to adapt, have better life in a new environment to get good academic results and good jobs in the future.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát 300 trường hợp sinh viên nhập cư đang theo học tại một số trường đại học, cao đẳng tại TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu không chọn một chủ đề cụ thể về phương pháp học tập, giảng dạy ở đại học hay những yếu tố tâm sinh lý lứa tuổi cụ thể tác động đến sinh viên mà chọn một chủ đề mang tính khái quát hơn, đó là một số yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, hành vi và hiệu quả học tập, đặc biệt là đối với nhóm sinh viên năm thứ nhất và sinh viên từ các vùng nông thôn đến các thành phố học tập.

1. Môi trường sống

Sinh viên từ các vùng nông thôn đến các đô thị để học tập phải đối mặt với những thách thức rất lớn về môi trường sống. Những thách thức này sẽ ảnh hưởng đến thái độ, hành vi của sinh viên; đồng thời tác động xấu đến kết quả học tập. Thực tế cho thấy, khi sinh viên từ nông thôn ra thành phố học sẽ có hai xu hướng thích nghi:

- Thứ nhất, một nhóm đối tượng sống khép kín, ít có thói quen quan sát xã hội xung quanh sẽ không cảm nhận được sự thay đổi của môi trường sống. Những sinh viên này

thường không kịp thích nghi với môi trường mới; thờ ơ và lạc lõng giữa đô thị sôi động; thụ động trong các hoạt động học tập chính khóa, ngoại khóa... Trường hợp khác là một nhóm đối tượng sinh viên thường được bạn bè xem là “mọt sách”, có kết quả học tập rất cao; tuy nhiên, kết quả học tập bằng điểm số chưa hẳn đã đồng nghĩa với sự thành công trong tương lai. Bởi lẽ, những kỹ năng sống đóng vai trò rất lớn đến sự thành bại trong tương lai của mỗi sinh viên.

- Thứ hai, nhóm đối tượng sinh viên có lối sống cởi mở hơn, nhưng đôi khi lại bị “choáng ngợp”, bị “hút hồn” vào những giá trị, lối sống nơi “phồn hoa, đô hội”. Họ thích nghi quá nhanh, vội vã, thậm chí cố tỏ ra mình là “sành điệu”, không bị lạc hậu hay “nhà quê” nên đã lao vào các cuộc chơi, nản sống thử, sống chung (Lại Tiến Thành, Đinh Văn Linh, Đỗ Minh Vương, 2012), các trào lưu một cách mất phương hướng.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, hầu hết các hoạt động vui chơi của sinh viên tập trung vào những mục đích: Giao lưu bạn bè, rèn luyện thân thể, tìm hiểu khám phá... Nhưng, trong đó các hoạt động tự tập ăn nhậu chiếm tỷ lệ khá lớn (21%); hát karaoke (16,3%); đi uống cà phê (12,7%) cho thấy phần nào sự lạm dụng và không tích cực với cuộc sống của sinh viên (Bảng 1). Đặc biệt, tụ tập nhậu nhẹt, cờ bạc,... khá phổ biến trong sinh viên; họ xem đây là những cách “thư giãn” khó kiểm soát, có tính “ngầm”. Từ đó rất dễ phát sinh và dung dưỡng tệ nạn xã hội (Đinh Thị Vân Chi, 2003). Có thể nói, nhiệm vụ chính của sinh viên là học tập, trang bị kiến thức để chuẩn bị hành trang cho một công việc phù hợp và ổn định. Và, hoạt động vui chơi giải trí phù hợp sẽ giúp cho tinh thần học tập tốt hơn; và ngược lại sẽ làm tổn hại đến việc học tập của sinh viên.

Bảng 1: Mức độ tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí (%)

Các hoạt động	Không bao giờ	Rất ít khi	Vài lần/tháng	Vài lần/tuần	Hàng ngày
Tập trung nấu ăn hoặc đi nhậu	21,0	54,7	19,3	3,3	1,7
Đi hát karaoke ngoài quán	16,3	66,3	14,7	2,3	0,3
Đi uống cà phê	12,7	36,5	34,4	12,7	3,7
Chơi một môn thể thao nào đó	17,3	33,7	21,0	20,7	7,3
Đã ngoại các vùng ngoại thành	39,5	47,5	9,0	3,0	1,0
Thăm di tích trong thành phố	15,7	61	18,7	3,0	1,7

(Nguồn: Khảo sát về thích nghi lối sống của sinh viên nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh năm 2014)

Một khảo sát khác với gần 300 trường hợp cho thấy (Bảng 2), hầu hết thời gian rảnh rỗi, sinh viên tập trung vào thế giới ảo (internet) như: Nghe nhạc, xem phim (online), chơi game (online), lướt facebook,... Trong khi đó, việc dùng internet vào tra cứu tư liệu, đọc sách, khám phá tri thức mới... phục vụ cho việc học tập thì không được quan tâm.

Bảng 2: Thời gian sử dụng internet với mục đích giải trí trong một ngày

Khoảng thời gian sử dụng internet	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 1 giờ	47	15,8
Từ 1 giờ đến dưới 3 giờ	169	56,9
Từ 3 giờ đến dưới 6 giờ	61	20,5
Từ 6 giờ trở lên	20	6,7
Tổng	297	100,0

(Nguồn: Khảo sát về thích nghi lối sống của sinh viên nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh năm 2014)

Như vậy, cả hai nhóm đối tượng này, nếu không có yếu tố hỗ trợ, định hướng cho sự thích nghi đều sẽ dẫn đến tác động tiêu cực đến hiệu quả học tập. Để có kết quả tốt trong học tập thì yếu tố thích nghi (adaption) đóng vai trò vô cùng quan trọng, hay nói cách khác sự thích nghi ấy là sự đồng hóa (assimilation) hay tính thích ứng của một vật vào môi trường để qua đó nó có thể bền vững được (G. Endruweit và G. Trommsdorff, 2002).

Hầu hết sinh viên từ nông thôn đến các thành phố học tập đều phải đi ở trọ, chỉ có một tỉ lệ rất ít sinh viên được ở ký túc xá (Mạnh Tùng, 2014), nhà riêng hoặc ở với người thân. Để có thể trang trải nhiều khoản chi phí tại thành phố, sinh viên phải tìm đến các khu nhà trọ với giá cả vừa phải, điều kiện nơi ở rất thiếu thốn, tạm bợ, phức tạp. Điều kiện nơi ở trọ rất khác xa với việc sống chung với gia đình trước khi vào đại học đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý sinh viên và tác động đến hiệu quả học tập của họ.

Về phòng trọ, thông thường có ba dạng thuê phòng trọ của sinh viên: Thuê phòng trọ trong nhà của chủ trọ; thuê phòng trọ trong các dãy nhà trọ được xây dựng độc lập; thuê nhà trọ nguyên căn độc lập. Mỗi kiểu ở trọ đều có những mặt thuận lợi và trở ngại riêng. Kết quả khảo sát về nơi ở của sinh viên nhập cư với 300 trường hợp (Bảng 2) cho thấy có tới 80,4% ở trọ ngoài (trả tiền). Nhìn chung, xu hướng là sinh viên muốn ở trọ độc lập để tự do về giờ giấc, sinh hoạt...

Bảng 3: Nơi ở của sinh viên nhập cư (%)

Nơi ở của sinh viên	Nam	Nữ	Tổng
Nhà riêng	8,0	9,6	9,0
Ở trọ (trả tiền)	80,4	75,0	77,0
Ở nhờ nhà người thân (không trả tiền)	11,6	15,4	14,0
Tổng	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Khảo sát về thích nghi lối sống của sinh viên nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh, năm 2014)

Như vậy, để có được cuộc sống ở trọ tốt cũng yêu cầu sinh viên phải tự hoạch định và quản lý chi tiêu cá nhân. Kinh phí học tập của sinh viên chủ yếu dựa vào tiền gửi hàng tháng từ gia đình ở quê. Với nguồn kinh phí không phải là dư cũng là một trở ngại khá lớn đối với sinh viên; đặc biệt là đối tượng sinh viên năm thứ nhất và sinh viên nam ở tại thành phố. Việc quản lý chi tiêu không tốt sẽ dẫn đến tình trạng thường xuyên thiếu tiền, phải vay mượn bạn bè triền miên, nhịn ăn sáng, bị cấm thi vì chưa đóng học phí, bị chủ nhà đuổi không cho trọ do nợ tiền hay sống không tuân thủ theo quy định nhà trọ... cũng ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, tâm lý của sinh viên.

Ngoài ra, tâm lý lần đầu xa gia đình, thiếu sự chia sẻ, đồng thời phải tự lập trong sinh hoạt đã phát sinh nhiều lo âu; đặc biệt là sinh viên năm nhất khi lên thành phố trọ học cũng là một trở ngại lớn. Yếu tố này cộng với việc sinh viên có điều kiện tiếp xúc nhiều với sinh viên khác đến từ nhiều vùng miền khác nhau đã nảy sinh các mối quan hệ bạn bè cùng giới và khác giới. Mối quan hệ bạn bè của sinh viên năm nhất cũng là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của sinh viên, nếu các mối quan hệ này tốt, phù hợp với lứa tuổi, cùng chung mục đích rèn luyện, học tập thì sẽ dẫn đến kết quả là tâm lý thoải mái, học tập tích cực; ngược lại sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và hiệu quả học tập.

2. Môi trường học tập

Ở bậc đào tạo đại học, đặc biệt là sinh viên năm nhất phải đối diện với phương thức tổ chức đào tạo hoàn toàn mới, như từ chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, phương pháp giảng dạy - học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá:

- Chương trình đào tạo: Bao gồm nhiều khối kiến thức mới, từ lý luận cho đến thực tiễn, được đổi mới cập nhật cho phù hợp với thực tế. Chương trình đào tạo được thiết kế logic giữa các khối kiến thức, các học phần (học phần học trước, tiên quyết, thay thế), có tính liên thông giữa các ngành, khối ngành...

Những đặc trưng này sẽ là những thách thức đối với sinh viên nếu không được hướng dẫn cụ thể.

- Tổ chức hoạt động đào tạo: Ở bậc đại học, đặc biệt là đào tạo theo tín chỉ, sinh viên là người chủ động thiết kế tiến độ học tập cho riêng mình. Có những sinh viên vì quá tham lam, muốn rút ngắn tiến độ học tập nên đã đăng ký quá nhiều học phần dẫn đến quá sức; có những sinh viên khác không quan tâm đăng ký học phần cho đều các học kỳ mà dồn nhiều vào các học kỳ cuối dẫn đến không hoàn thành tiến độ học tập. Để giúp sinh viên tích lũy các học phần trong từng học kỳ phù hợp với trình độ, năng lực và hoàn thành chương trình đúng kế hoạch thì vai trò của cố vấn học tập rất quan trọng.

- Phương pháp giảng dạy - học tập: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng ngày càng tinh gọn, thời gian giảng viên truyền đạt trực tiếp trên lớp giảm xuống, trong khi yêu cầu đối với người học ngày càng cao. Do vậy, hơn lúc nào hết, tầm quan trọng của tự học tăng nhanh và là yếu tố then chốt, cơ bản tác động đến kết quả học tập của sinh viên.

Khác với phổ thông trung học, bậc đại học đòi hỏi sinh viên phải tiếp cận với các kiến thức mở rộng, đa dạng hướng đến nghề nghiệp, như: Khối kiến thực đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối kiến thức bổ trợ nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về ngành khoa học học tập, trang bị năng lực và các kỹ năng nghề nghiệp, trang bị kỹ năng sáng tạo và làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng phản biện xã hội... Cũng vì khối kiến thức vừa rộng, vừa sâu cho từng chuyên ngành, từng học phần nên đòi hỏi giảng viên cũng phải có phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng học phần và từng đối tượng sinh viên, mà ở đó vai trò của người thầy chỉ là hướng dẫn, tổ chức các hoạt động hướng sinh viên đến sự nỗ lực tự học, tự nghiên cứu và có tư duy sáng tạo. Tự học, với những nỗ lực của sinh viên là nhằm làm chủ kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo tạo điều kiện cho sự phát triển nhận thức, trí tuệ và rèn luyện

các phẩm chất nghề nghiệp. Các hình thức tự học chủ yếu của sinh viên là: Tự học với tài liệu; chuẩn bị thảo luận, kiểm tra, thi; chuẩn bị viết đồ án/ khóa luận; kiến tập, thực tập chuyên đề và thực tập tốt nghiệp; chuẩn bị các báo cáo cho hội thảo sinh viên nghiên cứu khoa học.

Đối với sinh viên nông thôn lên thành phố học tập, có một trở ngại khác ảnh hưởng đến tâm lý học tập trên lớp (mức độ ảnh hưởng sẽ nhiều hơn nhóm sinh viên khác. Phỏng vấn sâu một số trường hợp sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất cho thấy nhiều trường hợp có tâm lý ngại tiếp xúc, ngại phát biểu, ngại tranh luận, rụt rè nên không thể theo kịp cách giảng bài của giảng viên. Những sinh viên này chấp nhận (một cách âm thầm) những kiến thức mà mình lĩnh hội thông qua bài giảng trên lớp, ít có chính kiến, ít phản biện với giảng viên, ít chia sẻ với bạn bè. Những sinh viên nào có ý chí, siêng năng học tập sẽ tự tìm tòi nghiên cứu những điều mình chưa hiểu trên lớp; còn lại thì không quan tâm, không tự học, không hiểu bài, xuất hiện tâm lý chán nản, học tập mang tính đối phó.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá: Ở bậc đại học, việc kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên, thể hiện qua đánh giá quá trình học tập và thi kết thúc học phần với nhiều hình thức (trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn...). Phương pháp đánh giá không chỉ dừng lại ở khả năng nhớ bài của sinh viên mà còn yêu cầu khả năng hiểu bài, phân tích và vận dụng thực tế. Như vậy, yêu cầu sinh viên ngoài việc phải thường xuyên đến lớp nghe giảng, thực hiện các yêu cầu làm việc nhóm thì phải tự học, tự nghiên cứu với tài liệu, tình huống và thực tế. Với đặc thù phương pháp kiểm tra đánh giá, nếu sinh viên không bố trí kế hoạch tự học, tự nghiên cứu nghiên cứu thì nguy cơ thi rớt là rất cao. Thi rớt thì phải học lại, đồng nghĩa với tốn kém và khả năng không theo kịp tiến độ học tập. Nhiều sinh viên năm nhất chưa quen với các hình thức kiểm tra đánh giá nên còn có các biểu hiện: Quay cóp, hoặc trao đổi khi làm bài tự luận; sao chép khi làm bài tiểu luận; không bình tĩnh khi thi vấn đáp... nên đã ảnh hưởng đến kết quả thi.

- Mức độ thích nghi với văn hóa tại đô thị cũng là yếu tố quan trọng tác động đến kết quả học tập của sinh viên cũng như xác định và định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Nghiên cứu này đo lường thông qua các biến quan sát về cuộc sống đô thị, 10 biến quan sát bao gồm các quan điểm về môi trường, con người, cơ hội phát triển cá nhân được chúng tôi khảo sát bằng thang đo likert 7 bậc. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đồng tình khá cao với các quan điểm về cơ hội phát triển trong tương lai ở thành phố, cho rằng cuộc sống ở thành phố rất sôi động và náo nhiệt (bảng 4). Khảo sát cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên nhập cư theo giới tính và năm theo học.

Bảng 4: Quan điểm về cuộc sống đô thị

Các quan điểm	Điểm trung bình
Sống ở thành phố sẽ học hỏi nhiều điều và có nhiều cơ hội thành đạt	5,4
Cuộc sống tại thành phố rất sôi động, náo nhiệt	5,3
Ở thành phố sẽ có nhiều cơ hội làm giàu, khẳng định cá nhân	5,2
Sống ở thành phố sẽ hưởng nhiều tiện ích: giáo dục, y tế, giải trí	5,0
Ở thành phố, con người cảm thấy thoải mái, tự do, không bị bó buộc	4,6
Cuộc sống xô bồ, cạnh tranh nên rất khó sống và vươn lên	4,2
Tôi thấy con người ở thành phố phóng khoáng, hòa đồng	4,0
Tôi cảm thấy cuộc sống ở thành phố thật sự nguy hiểm, không an toàn	3,9
Tôi cảm nhận được con người ở thành phố rất ích kỷ, đố kỵ	3,6
Ở thành phố không có cơ hội, cuộc sống vất vả, tương lai rất mịt mờ	2,8

Nguồn: Khảo sát về thích nghi lối sống của sinh viên nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh năm 2014.

Tất cả các khó khăn thuộc về môi trường học tập ở bậc đại học là những rào cản đòi hỏi sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm nhất phải vượt qua để có kết quả tốt trong học tập.

3. Định hướng lựa chọn nghề nghiệp

Thông thường, ở góc độ tâm lý, khi mỗi cá nhân thích hoặc đam mê một việc gì đó thì họ sẽ thực hiện tốt hơn những việc mang tính phân công hoặc ép buộc. Tuy nhiên, ở lứa tuổi học sinh phổ thông, để họ tự do lựa chọn những sở thích hoặc đam mê với ngành học, nghề nghiệp tương lai thì bắt buộc phải định hướng từ phía gia đình và nhà trường.

Hiện nay, có một thực trạng đáng báo động là học sinh phổ thông đang thi vào các trường đại học, chọn các ngành học với mục đích không rõ ràng. Họ không ý thức được ngành mình đăng ký theo học sẽ phải học những kiến thức gì, ra trường có thể làm việc gì, và như vậy, họ cũng không biết ngành học đó có phù hợp với năng lực và sở thích của mình hay không.

Chính sự không rõ ràng trong định hướng nghề nghiệp này đã ảnh hưởng cơ bản nhất đến tâm lý, động cơ học tập và tác động trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên. Nhiều sinh viên không được định hướng kỹ về nghề nghiệp sẽ cảm thấy hụt hẫng và hoài nghi với ngành mình đang học. Khảo sát của chúng tôi với 300 trường hợp cho thấy, có một tỉ lệ khá lớn sinh viên không biết hoặc chỉ biết một cách "mơ hồ", không chắc chắn rằng mình sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng gì, thái độ gì (82,6%), tốt nghiệp có thể làm việc trong lĩnh vực gì (60,9%), ngành học có phù hợp với tố chất cá nhân của mình không (61,1) (Bảng 4).

Bảng 5: Mức độ am hiểu về ngành học của sinh viên (%)

	Biết rõ về ngành học	Biết, nhưng không rõ	Hoàn toàn không biết
Kiến thức, kỹ năng, thái độ	14,8	82,6	2,7
Công việc sau khi tốt nghiệp	32,7	60,9	6,4
Sự phù hợp về tố chất cá nhân	29,1	61,1	9,8

(Nguồn: Khảo sát về thích nghi lối sống của sinh viên nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh, năm 2014)

Sinh viên là một nhóm xã hội đặc biệt, đang tiếp thu những kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ xảo nghề nghiệp ở các trường cao đẳng, đại học để chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường. Nhưng khi động cơ học tập không đúng đắn thì ở cấp độ vĩ mô, ảnh hưởng đến toàn bộ nguồn nhân lực cho thị trường lao động, đồng thời kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tóm lại: Những trở ngại như đã phân tích xuất phát từ việc thay đổi hoàn toàn môi trường: Từ môi trường sống đến các môi trường về học tập (chương trình, phương pháp giảng dạy, học tập, hướng nghiệp...). Sự thành công trong học tập của sinh viên sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố này, phụ thuộc vào sự thích nghi nhanh hay chậm của từng sinh viên, đồng thời vai trò của nhà trường và giảng viên cũng rất quan trọng giúp sinh viên, đặc biệt là đối với sinh viên năm nhất đến từ các tỉnh khác bắt nhịp và hòa nhập thành công.

Như vậy, giải pháp nào từ phía các trường đại học và giảng viên sẽ giúp cho sinh viên năm nhất nói chung và các sinh viên đến từ các vùng nông thôn lên thành phố trọ học nhanh chóng vượt qua các rào cản, nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới để học tập tốt hơn, ra trường có việc làm phù hợp, đáp ứng kỳ vọng của sinh viên, gia đình và xã hội? Đây là một bài toán lớn cho việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. Nghiên cứu này mới dừng lại ở mức độ giả thuyết nhằm gợi mở cho những nghiên cứu công phu hơn, với dung lượng mẫu khảo sát nhiều hơn để có được đủ độ tin cậy theo hướng liên ngành mới có thể đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp. Một số yếu tố mà bài viết đưa ra có thể ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của sinh viên; đây là những vấn đề gợi mở để các nhà quản lý đại học, cán bộ giảng dạy và các bậc phụ huynh lưu ý nhằm có những điều chỉnh để cho con em mình đạt được những kết quả tốt hơn trong học tập và hoạch định cuộc sống trong tương lai sau khi rời ghế nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Anh. (2014). *Ký túc xá lúc 0h: Ngủ ngày "cày" game đêm*. Truy cập ngày 04-11-2014 từ <http://dantri.com.vn>
2. Đinh Thị Vân Chi. (2003). *Nhu cầu giải trí của thanh niên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
3. Đặng Cảnh Khanh. (2006). *Xã hội học Thanh niên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
4. G. Endruweit và G. Trommsdorff. (2002). *Từ điển Xã hội học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới.
5. Trần Thị Hà. (2009). *Vấn đề nhà ở cho sinh viên đang theo học tại TP. Hồ Chí Minh*. Luận văn tốt nghiệp Đại học. Ngành Xã hội học, Trường Đại học Văn Hiến, TP. Hồ Chí Minh.
6. Lê Văn Hồng. (2010). *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
7. Lại Tiến Thành, Đinh Văn Linh, Đỗ Minh Vượng. (2012). *Sống thử trong sinh viên, khuyến khích hay lên án*, Truy cập từ <http://kensinhvien.net>
8. Nguyễn Thanh Tuấn. (2006). *Biến đổi văn hóa đô thị hiện nay*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa thông tin và Viện văn hóa.
9. Mạnh Tùng. (2014). *"TP. Hồ Chí Minh: Chỉ 20% sinh viên được ở ký túc xá"*. Truy cập ngày 27/8/2014, từ <http://www.thesaigontimes.vn>,